TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 15-02-2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng nợ hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phù Thọ Bồn

2. Ông Dương Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương *tham gia phiên tòa:* không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã S, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1/ Bà Trần Mỹ T, sinh năm 1981, có mặt.

2.2/ Ông Lê Bình Đ, sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã S, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T là hụi viên tham gia những dây hụi do bà T làm chủ. Trong năm 2021, bà T có tham gia của bà T 01 chân hụi, hụi khui ngày 06/9/2021, mãn ngày 26/4/2023 (10 ngày khui hụi 01 lần, 5.000.000đ/ lần).

Vào ngày 16/9/2021 bà T yêu cầu được hốt chân hụi này với số tiền 219.800.000đ và trách nhiệm phải đóng những phần hụi chết còn lại với số tiền 295.000.000đ, khi nhận được số tiền của chân hụi này, bà T đã đóng được 159.000.000đ thì không đóng tiếp nữa. Bà T phải tự dùng tiền riêng để cấn qua cho hụi viên còn lại. Như vậy với chân hụi này, bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền là 136.000.000đ và yêu cầu được tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26/6/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Sau khi bà T nộp đơn khởi kiện lên Tòa án thì vợ chồng bà T có trả cho nguyên đơn được 6.000.000đ, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu bà T, ông Đ liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền là 130.000.000đ và lãi theo quy định.

- Theo văn bản trình bày ý kiến và Biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Mỹ T và ông Lê Bình Đ trình bày:

Vợ chồng bà T, ông Đ có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ, lúc ông, bà cần tiền để đầu tư vào ghe đánh bắt hải sản nên yêu cầu hốt hụi thì bà T nói có người hốt nên ông, bà đồng ý mua hụi lên, tổng số tiền ông, bà hốt được là 219.800.000đ nhưng do bán hụi nên ông, bà phải chịu trả 300.000.000đ (lỗ 80.200.000đ) sau khi hốt ông, bà có đóng hụi đầy đủ nhưng sau này làm ăn thất bại, biển đánh bắt không có cá nhiều nên lỗ tiền dầu và nhân công. Ông, bà thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi chết chưa đóng là 130.000.000đ.

Về cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên ông, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, nếu vi phạm nghĩa vụ hàng tháng thì bà Thà có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trần Mỹ T, ông Lê Bình Đ có nơi cư trú tại ấp H, xã S, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng nợ hụi" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị đơn bà Trần Mỹ T và ông Lê Bình Đ trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 130.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy có có sở chấp nhận, bởi lẽ: Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì Trong năm 2021, bà T có tham gia của bà T 01 chân hụi, hụi khui ngày 06/9/2021, mãn ngày 26/4/2023 (10 ngày đóng hụi 01 lần, 5.000.000đ/ lần). Vào ngày 16/9/2021 bà T yêu cầu được hốt chân hụi này với số tiền 219.800.000đ và trách nhiệm phải đóng những

phần hụi chết còn lại với số tiền 295.000.000đ, khi nhận được số tiền của chân hụi này, bà T đã đóng được 159.000.000đ và sau đưa thêm được 6.000.000đ. Như số tiền bị đơn còn nợ là 130.000.000đ và số nợ trên còn được thể hiện bằng giấy "hợp đồng góp hụi" ngày 16/9/2021 (âl). Mặt khác bị đơn cũng thừa nhận là bị đơn có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ và số tiền nợ như nguyên đơn trình bày là đúng.

Do đó, cần buộc bị đơn bà T, ông Đông có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh trên số nợ 130.000.000đ từ ngày 26/6/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết, theo mức lãi suất quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ theo giấy biên nhận thì hai bên không có thỏa thuận về lãi và thời hạn trả tiền, nên căn cứ Điều 21, 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Như vậy mức lãi suất được xác định là 10%/ năm.

Bắt đầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 26/6/2023 đến ngày 15/02/2024 là 07 tháng 19 ngày = 130.000.000đ x 10% : 12 tháng x 07 tháng 19 ngày = 8.269.444đ.

Như vậy tổng cộng bị đơn phải trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là 130.000.000đ + 8.269.444đ = 138.269.444đ.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn về việc xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, nếu vi phạm nghĩa vụ hàng tháng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thoả thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Cơ quan thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do bị đơn bà T, ông Đ bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn bà T thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu lệ phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 280, 471, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 21, 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Trần Mỹ T, ông Lê Bình Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền tổng cộng là 138.269.444đ (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi là 8.269.444đ (Tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà T ông Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.913.472đ (Sáu triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng).

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn bà Thà thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu lệ phí, án phí Tòa án

3. Báo cho những người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/02/2024). Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh